BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 217/ ĐHTM- QLĐT *Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018*

**QUY ĐỊNH**

**Về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào Trường Đại học Thương mại,**

**kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2018**

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT- BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 07/2018/TT- BGDĐT ngày 01 thang 03 năm 2018 về việc “Sửa đổi, bổ sung tên và một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT- BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”;

Căn cứ Công văn số 899/BGDĐT-GDĐH ngày 09 tháng 03 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *V/v: Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018,* Trường đại học Thương mại quy định cụ thể về xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào đại học chính quy của Trường năm 2018 như sau:

# I. ĐỐI TƯỢNG XÉT TUYỂN THẲNG

Thí sinh thuộc một trong các đối tượng sau được xét tuyển thẳng vào học đại học chính quy của Trường:

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) nếu có nguyên vọng được xét tuyển thẳng vào học các ngành/chuyên ngành đào tạo của trường;
2. Người đã trúng tuyển vào Trường đại học Thương mại các năm trước, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận lại vào học ngành hoặc chuyên ngành đào tạo mà thí sinh đã trúng tuyển.
3. Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế và thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tin học, tốt nghiệp THPT năm 2018 được tuyển thẳng vào ngành đào tạo Hệ thống thông tin quản lý.

4. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh và tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2018 được tuyển thẳng vào ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh thương mại).

5. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Pháp và tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2018 được tuyển thẳng vào chuyên ngành Tiếng Pháp thương mại.

6. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Trung và tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2018 được tuyển thẳng vào chuyên ngành Tiếng Trung thương mại.

Tổng chỉ tiêu tuyển thẳng cho các đối tượng quy định tại các điểm 1, 2,3,4,5 và 6 nói trên không vượt quá **3%** chỉ tiêu của từng ngành/chuyên ngành. Trong trường hợp số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào ngành/chuyên ngành nào đó vượt **3%**, Trường sẽ xét tuyển theo nguyên tắc dựa trên thành tích đoạt giải HSG từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu tuyển. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

7. Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Thí sinh thuộc diện trên để được xét tuyển cần đạt các điều kiện sau:

- Xếp loại học tập các năm lớp 10, 11, 12 từ loại khá trở lên;

- Tốt nghiệp THPT năm 2018;

Chỉ tiêu xét tuyển thẳng thuộc diện này không vượt quá **1%** chỉ tiêu tuyển sinh theo từng chuyên ngành đào tạo đã công bố trên Website của Trường. Trường hợp số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển vào chuyên ngành nào đó vượt quá **1%** chỉ tiêu, trường sẽ xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT từ cao đến thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu quy định. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Sau khi nhập học, những thí sinh này được học bổ sung kiến thức văn hóa 01 năm trước khi vào học chính thức.

8. Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định có kết quả xếp loại học tập 3 năm THPT từ loại khá trở lên, tốt nghiệp THPT năm 2018 được xem xét cho vào học ngành đào tạo thích hợp với tình trạng sức khỏe của thí sinh.

9. Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Thương mại, Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định để xem xét, quyết định cho vào học. Hồ sơ, quy trình tiếp nhận sinh viên người nước ngoài vào học tại trường được thực hiện theo Thông tư số 03/2014/TT- BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN XÉT TUYỂN**

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tiếng Pháp, Tiếng Trung tham dự kỳ thi THPT quốc gia và tốt nghiệp THPT năm 2018, có kết quả thi theo các tổ hợp môn thi Toán, Vật lý, Hóa hoặc Toán, Vật lý, Tiếng Anh hoặc Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh hoặc Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp hoặc Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường được ưu tiên xét tuyển vào đại học các ngành đào tạo sử dụng các tổ hợp môn thi tương ứng để xét tuyển.

## III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN

**1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng** *(Áp dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo qui định tại các điểm a, b, c, d, e khoản 2 điều 7 qui chế tuyển sinh)*

a) Phiếu đăng ký tuyển thẳng (phụ lục số 3);

b) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông;

c) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

d) Lệ phí tuyển thẳng là 30.000đ /thí sinh/hồ sơ (trong đó nộp cho sở giáo dục và đào tạo 20.000 đồng, nộp cho trường khi đến nhập học 10.000 đồng).

**2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng** *(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo qui định tại các điểm i khoản 2 điều 7 qui chế tuyển sinh***)**

a) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (phụ lục số 4);

b) Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học trung học phổ thông;

c) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

d) Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú;

e) Lệ phí xét tuyển thẳng là 30.000đ /thí sinh/hồ sơ (trong đó nộp cho sở giáo dục và đào tạo 20.000 đồng, nộp cho trường khi đến nhập học 10.000 đồng).

**3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng đối với các học sinh khuyết tật nặng**

Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng gồm:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (phụ lục số 4);

b) Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học trung học phổ thông;

c) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

d) Bản sao hợp lê giấy chứng nhận là người khuyết tật đặc biệt nặng của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

e) Lệ phí xét tuyển thẳng là 30.000đ /thí sinh/hồ sơ (trong đó nộp cho sở giáo dục và đào tạo 20.000 đồng, nộp cho trường khi đến nhập học 10.000 đồng).

**4. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển**

Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (phụ lục số 5);

b) Bản sao hợp lệ: Giấy chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông;

**Lưu ý:** *Mỗi thí sinh chỉ nộp một bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển. Thí sinh nộp nhiều hồ sơ hoặc hồ sơ ghi không đầy đủ thông tin coi như không hợp lệ và không được hưởng ưu tiên.*

**IV. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ**

**- Thời gian đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển**: Thí sinh nộp hồ sơ cho các Sở GD&ĐT trước 20/5/2018; Các Sở GD&ĐT chuyển tới Trường trước ngày 01/6/2018.

**V. CÔNG BỐ KẾT QUẢ**

1. Kết quả đăng ký xét tuyển thẳng được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và gửi về các Sở GD&ĐT trước 17h00 ngày 18/7/2018.

Thí sinh trúng tuyển phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải để xác nhận nhập học trực tiếp tại Trường hoặc theo đường bưu điện trước ngày 23/7/2018 (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua đường bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh);

Quá thời hạn trên, thí sinh không nộp hồ sơ xác nhận nhập học xem như không có nhu cầu học tại Trường, Nhà trường sẽ xóa tên khỏi danh sách trúng tuyển.

Địa chỉ nhận hồ sơ: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Thương mại, 79 đường Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

2. Kết quả ưu tiên xét tuyển được công bố công khai trên Websites của Trường trước 17h00 ngày 01/8/2018.

Quy định này được thông báo công khai trên Website của trường tại địa chỉ <http://www.tmu.edu.vn> từ ngày 30/03/2018 và trang Thông tin thi - tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ([http://www.moet.gov.vn](http://www.moet.gov.vnt); mã trường TMA).

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS Đinh Văn Sơn**

**Phụ lục 3**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG**

**VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

(*Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDĐH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  Ảnh 4x6 |
| **PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG**  **VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..**  *(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại*  *các điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 2 Điều 7của Quy chế tuyển sinh)* | |

**1. Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ...................................................................................... (*nữ ghi 1, nam ghi 0)* | **Giới** |  |

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)* |  |  |  |  |  |  |  |  |

***ngày tháng năm***

**3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

























**4. Điện thoại (**như hồ sơ đăng ký dự thi): ………………… **Email:**………………………

**5. Nơi sinh**( tỉnh, thành phố): ...............................................................................................

**6. Năm tốt nghiệp THPT** .................................................

**7. Năm đoạt giải:**...........................................

**8. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Môn đoạt giải* |  | ***Loại giải, loại huy chương*** |  |

**9. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 201.. môn:** ...................................

**10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Mã trường  (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**11. Địa chỉ báo tin:** .........................................................................................................

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường ..................................................đã khai đúng sự thật.  *Ngày .......... tháng ........ năm 201*  **Hiệu trưởng**  *(Ký tên, đóng dấu)* | Ngày ....... tháng ........ năm 201 **Chữ ký của thí sinh** |

**Phụ lục 4**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG VÀO**

**ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

(*Kèm theo công văn số:899/BGDĐT-GDĐH ngày 09/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  Ảnh 4x6 |

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THẲNG**

**VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..**

*(Sử dụng cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng theo quy định tại*

*điểm i, khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh)*

**1. Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ..............................................................................*(nữ ghi 1, nam ghi 0)* | **Giới** |  |

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)* |  |  |  |  |  |  |  |  |

***ngày tháng năm***

**3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

























**4. Điện thoại (**như hồ sơ đăng ký dự thi): …………………… **Email:**……………………

**5. Hộ khẩu thường trú** *(Ghi rõ xã, huyện, tỉnh)...*.............*............................... ....................*

*…………………………………………………………………………………………………………….*

**6. Dân tộc:** *......................................................................*

**7. Nơi học THPT hoặc tương đương:**

**- Năm lớp 10:** *.............................* ................................................................................

**- Năm lớp 11:** *..................................................................................................*

**- Năm lớp 12:** *...........................................................................................................*

**8. Năm tốt nghiệp THPT:**……………………

**9. Học lực:** Năm lớp 10: ………..; Năm lớp 11: ………..; Năm lớp 12: ………..;

**10. Đăng ký xét tuyển thẳng vào trường/ngành học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Mã trường  (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**11. Địa chỉ báo tin:** .......................................................................................................

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường........................................ đã khai đúng sự thật.  *Ngày .......... tháng ........ năm 201..*  **Hiệu trưởng**  *(Ký tên, đóng dấu)* | Ngày ....... tháng ........ năm 201 **Chữ ký của thí sinh** |

**Phụ lục 5**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO**

**ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 2018**

(*Kèm theo công văn số:899/BGDĐT-GDĐH ngày 9/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    Ảnh 4x6 |
| **PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN**  **VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP NĂM 201..** | |

**1. Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ..............................................................................*(nữ ghi 1, nam ghi 0)* | **Giới** |  |

**2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)* |  |  |  |  |  |  |  |  |

***ngày tháng năm***

**3. Số CMND** (như hồ sơ đăng ký dự thi)

























**4. Điện thoại (**như hồ sơ đăng ký dự thi): ……………………**Email:**… …………………

**5. Nơi sinh** (ghi tỉnh, thành phố*). ......................................................................................*

**6. Môn đoạt giải:** *...................................* **Loại giải, huy chương:** *......................................*

**7.Năm đoạt giải***......................................*

**8.Năm tốt nghiệp THPT***......................................*

**9. Đăng ký ưu tiên xét tuyển** (như hồ sơ đăng ký dự thi):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Mã trường  (chữ in hoa) | Mã ngành/Nhóm ngành | Tên ngành/Nhóm ngành |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| … |  |  |  |

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
| Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12 trường ..................................................đã khai đúng sự thật.  *Ngày .......... tháng ........ năm 201..*  **Hiệu trưởng**  *(Ký tên, đóng dấu)* | Ngày ....... tháng ........ năm 201 **Chữ ký của thí sinh** |

**Phụ lục 6**

# BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI**

(*Kèm theo công văn số: 899/BGDĐT-GDĐH ngày 9/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên môn thi**  **học sinh giỏi** | **Tên ngành đào tạo** | **Mã ngành** |
| 1 | Toán | Sư phạm Toán học (\*) | 7140209 |
| Toán học (\*) | 7460101 |
| Toán ứng dụng (\*) | 7460112 |
| Toán cơ (\*) | 7460115 |
| Thống kê | 7460201 |
| 2 | Vật lí | Sư phạm Vật lí (\*) | 7140211 |
| Vật lí học (\*) | 7440102 |
| Thiên văn học | 7440101 |
| Vật lí kỹ thuật (\*) | 7520401 |
| Vật lý nguyên tử và hạt nhân (\*) | 7440106 |
| 3 | Hóa học | Sư phạm Hóa học (\*) | 7140212 |
| Hóa học (\*) | 7440112 |
| Công nghệ kỹ thuật Hóa học (\*) | 7510401 |
| Công nghệ thực phẩm | 7540101 |
| Kỹ thuật Hóa học (\*) | 7520301 |
| Dược học | 7720201 |
| Khoa học môi trường | 7440301 |
| 4 | Sinh học | Sư phạm Sinh học (\*) | 7140213 |
| Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp | 7140215 |
| Sinh học (\*) | 7420101 |
| Công nghệ sinh học (\*) | 7420201 |
| Kỹ thuật sinh học (\*) | 7420202 |
| Sinh học ứng dụng (\*) | 7420203 |
| Y khoa | 7720101 |
| Y học cổ truyền | 7720115 |
| Răng hàm mặt | 7720501 |
| Y học dự phòng | 7720110 |
| Điều dưỡng | 7720301 |
| Kỹ thuật xét nghiệm y học | 7720601 |
| Kỹ thuật hình ảnh y học | 7720602 |
| Kỹ thuật phục hồi chức năng | 7720603 |
| Y tế công cộng | 7720701 |
| Dinh dưỡng | 7720401 |
| Kỹ thuật phục hình răng | 7720502 |
| Khoa học môi trường | 7440301 |
| Khoa học cây trồng | 7620110 |
| Chăn nuôi | 7620105 |
| Lâm nghiệp | Chia 4 ngành |
| Lâm học | 7620201 |
| Lâm nghiệp đô thị | 7620202 |
| Lâm sinh | 7620205 |
| Quản lý tài nguyên rừng | 7620211 |
| Nuôi trồng thủy sản | 7620301 |
| 5 | Ngữ văn | Sư phạm Ngữ văn (\*) | 7140217 |
| Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam | 7220101 |
| Sáng tác văn học (\*) | 7220110 |
| Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | 7220112 |
| Việt Nam học | 7310630 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Ngữ văn | Văn học (\*) | 7229030 |
| Văn hóa học | 7229040 |
| Báo chí (\*) | 7320101 |
| Ngôn ngữ học (\*) | 7229020 |
| Thông tin - thư viện | 7320201 |
| Quản lý thông tin | 7320205 |
| 6 | Lịch sử | Sư phạm Lịch sử (\*) | 7140218 |
| Lịch sử (\*) | 7229010 |
| Bảo tàng học | 7320305 |
| Nhân học | 7310302 |
| Lưu trữ học | 7320303 |
| 7 | Địa lí | Sư phạm Địa lí (\*) | 7140219 |
| Địa lí học (\*) | 7310501 |
| Bản đồ học | 7440212 |
| Địa chất học | 7440201 |
| Địa lý tự nhiên kỹ thuật (\*) | 7440217 |
| Thuỷ văn học | 7440224 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Hải dương học | 7440228 |
| 8 | Tin học | Sư phạm Tin học (\*) | 7140210 |
| Khoa học máy tính (\*) | 7480101 |
| Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (\*) | 7480102 |
| Kỹ thuật phần mềm (\*) | 7480103 |
| Hệ thống thông tin (\*) | 7480104 |
| Công nghệ thông tin (\*) | 7480201 |
| Công nghệ kỹ thuật máy tính (\*) | 7480108 |
| 9 | Tiếng Anh | Sư phạm Tiếng Anh (\*) | 7140231 |
| Ngôn ngữ Anh (\*) | 7220201 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 10 | Tiếng Nga | Sư phạm Tiếng Nga (\*) | 7140232 |
| Ngôn ngữ Nga (\*) | 7220202 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 11 | Tiếng Trung Quốc | Sư phạm tiếng Trung Quốc (\*) | 7140234 |
| Trung Quốc học (\*) | 7310612 |
| Ngôn ngữ Trung Quốc (\*) | 7220204 |
| Hán nôm | 7220104 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |
| 12 | Tiếng Pháp | Sư phạm Tiếng Pháp (\*) | 7140233 |
| Ngôn ngữ Pháp (\*) | 7220203 |
| Quốc tế học | 7310601 |
| Đông phương học | 7310608 |
| Ngôn ngữ học | 7229020 |

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (\*) là ngành đúng;

- Các ngành còn lại là ngành gần.